

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Trần Văn Tám;

2/- Ông Đặng Thế Ứng.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 2, khu phố A, phường B, thị xã C, Tiền Giang.

- Bị đơn: anh Lê Quốc V, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T và anh V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày: chị và anh Lê Quốc V chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh V đã ly thân nhau từ tháng 7/2015 đến nay.

Nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn tình cảm nên chị Nguyễn Thị Bé T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về tình cảm: chị Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ly hôn với anh Lê Quốc V.

- Về con chung: chị T và anh V có 01 con chung tên Lê Nguyễn Anh T sinh ngày 14/6/2013, hiện nay cháu T đang chung sống với chị T. Chị T yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Lê Quốc V có đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến như sau: anh và chị Bé T chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Nay chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con, anh V

đồng ý với quyết định ly hôn của chị T và các vấn đề khác như nuôi con và tài sản chung, nợ chung. Do công việc anh không thể trực tiếp đến Tòa án thị xã C để tham gia trong suốt quá trình giải quyết nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa:

- Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Lê Quốc V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Lê Quốc V có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang là nơi chị T cư trú giải quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Lê Quốc V vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh V.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa chị Nguyễn Thị Bé T và anh Lê Quốc V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T và trình bày của anh Lê Quốc V tại đơn xin vắng mặt đã có căn cứ xác định: cuộc sống vợ chồng giữa chị Thanh và anh Việt không có hạnh phúc, chị T và anh V đã ly thân từ tháng 7/2015 đến nay mà không hàn gắn được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh V là phù hợp trình bày của anh Lê Quốc V và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Chị T đã giao nộp bản sao giấy khai sinh cháu Lê Nguyễn Anh T sinh ngày 14/6/2013 chứng minh cháu T là con chung giữa chị T và anh V; cháu T có bản khai trình bày nguyện vọng được sống chung chị T. Anh V trình bày thống nhất với chị T về việc nuôi con chung.

Thấy rằng: yêu cầu nuôi con chung của chị T là phù hợp theo nguyện vọng của con chung và phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T chưa yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con là trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung:

Chị T và anh V trình bày thống nhất giữa anh, chị không có tài sản chung, nợ chung.

[5]. Về án phí:

Chị Thanh phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Lê Quốc V.

2. Con chung:

Giao 01 con chung tên Lê Nguyễn Anh T sinh ngày 14/6/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị T chưa yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Án phí:

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002685 ngày 20/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị T không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Chị T và anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX C;
- Chi cục THADS TX C;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện M;
- , Bến Tre;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hồ Thị Ánh Tuyết